TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH THUẬN** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 23-4-2019
Về việc ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Trường Hận.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Quách Thị Thu Hương.

2. Ông Phạm Hoàng Vũ.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Quảng Thị Kiều Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận tham gia phiên tòa***: Bà Võ Thị Tuyết Trang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 4 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 48/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2019 về việc *"Tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/4/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị L, sinh năm 1980; địa chỉ: ấp T, xã N, huyện T, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

2. Bị đơn: Anh H, sinh năm 1976; địa chỉ: ấp T, xã N, huyện T, tỉnh Kiên Giang (có đơn xin vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà N, sinh năm 1951, địa chỉ: ấp T, xã N, huyện T, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/02/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị L trình bày:* Năm 1997 chị L và anh H cưới nhau theo phong tục tập quán nhưng không đăng ký kết hôn. Vợ chồng anh chị sống hạnh phúc và có 02 người con chung là T, sinh ngày 05/01/1998, giới tính nam và C, sinh ngày 26/9/2000, giới tính nữ.

Năm 2010 anh H phạm tội và bị kết án 20 năm tù, khi anh H chấp hành án

chị một mình ở nhà nuôi con. Đến nay tình cảm không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh H. Các con đã trưởng thành nên chị không yêu cầu gì. Tài sản tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết. Theo đơn khởi kiện, chị L trình bày không nợ ai, nhưng trong quá trình làm việc và tại phiên tòa chị L thống nhất khi anh H gây án có mượn của bà N 04 lượng vàng 24 kara để khắc phục hậu quả, chị L không yêu cầu giải quyết số nợ này, sẽ thỏa thuận với bà N và anh H sau. Chị L không yêu cầu cấp dưỡng khi ly hôn.

** Bị đơn anh H có đơn xin vắng mặt phiên tòa, tại biên bản lấy lời khai ngày 21/3/2019 anh H có trình bày:* Anh H và chị L cưới nhau năm 1997, không đăng ký kết hôn, nay chị L xin ly hôn anh H đồng ý theo nguyện vọng của chị L. Về con chung và lý do phát sinh mâu thuẫn đúng như lời trình bày của chị L. Có nợ bà N 04 lượng vàng 24 kara và có khoảng 10 công đất. Tại tờ tường trình ngày 29/3/2019, anh H yêu cầu không phân chia tài sản, khi nào anh H chấp hành án xong sẽ thỏa thuận phân chia về tài sản và nợ chung.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà N trình bày:* Bà là mẹ ruột anh H, sau khi anh H gây án, bà có cho vợ chồng anh H mượn 04 lượng vàng 24 kara để khắc phục hậu quả cho gia đình người bị hại. Hiện nay con bà là anh H đang chấp hành án, bà không yêu cầu anh H và chị L trả nợ trong vụ án này, khi nào anh H chấp hành án xong bà sẽ thương lượng sau.

** Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến:*

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình và chấp hành nội quy phiên tòa. Bị đơn là anh H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh H là đúng quy định.

Về nội dung vụ án: Anh H và chị L cưới nhau năm 1997 nhưng không đăng ký kết hôn nên đề nghị không công nhận anh chị là vợ chồng. Các con đã trưởng thành, tài sản, nợ chung và cấp dưỡng khi ly hôn không ai có yêu cầu gì nên đề nghị không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị L và anh H không đăng ký kết hôn nhưng có yêu cầu giải quyết ly hôn nên Tòa án thụ lý vụ án giải quyết theo quy định tại Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình. Các đương sự đều cư trú tại ấp T, xã N, huyện T, tỉnh Kiên Giang nên Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy

định tại Điều 28, 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh H.

[2] Năm 1997 chị L và anh H cưới nhau theo phong tục tập quán, sống chung đến nay nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Chị L và anh H không đăng ký kết hôn nhưng có yêu cầu ly hôn nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng đối với chị L và anh H. Theo đó, chị L và anh H không phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung và cấp dưỡng: Chị L và anh H có 02 người con chung là T, sinh ngày 05/01/1998, giới tính nam và C, sinh ngày 26/9/2000, giới tính nữ; hiện nay đã trưởng thành. Anh H và chị L không ai có yêu cầu gì về con và cấp dưỡng nên không xét.

[4] Về tài sản và nợ chung: Anh H và chị L đều khai có khoảng 10 công đất và nợ bà N 04 lượng vàng 24 kara, nhưng bà N không có đơn yêu cầu giải quyết trong vụ án này mà sẽ thỏa thuận sau với anh H và chị L. Anh H và chị L thống nhất tài sản và nợ chung sẽ thỏa thuận sau, không yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Án phí sơ thẩm: Chị L là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 6, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 147, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, 14, 53, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 6, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận là vợ chồng giữa chị L và anh H.

2. Án phí sơ thẩm: Chị L chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0000020 ngày 06/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

3. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; anh H vắng mặt phiên tòa nên có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Trường Hận